

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 01/7/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Ngọc Năm  
Bà Lê Thị Hà

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

*Kiểm sát viên VKSND huyện H tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 46/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-DS ngày 19/6/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hoàng N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

*Bị đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hoàng N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt cả hai bên đương sự

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020 của bà Nguyễn Thị H, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án, phía nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/4/2019 (âm lịch), tức ngày 07/5/2019 (dương lịch), chị Lê Thị Th có tới nhà bà H hỏi vay 100.000.000đ để đảo sổ ngân hàng, bà H đồng ý cho vay và viết vào sổ với nội dung cho chị Th vay 100.000.000đ để đảo sổ ngân hàng, hẹn chậm nhất 3 ngày trả, chị Th ký nhận vào sổ của bà H. Việc vay mượn là không tính lãi. Đến hẹn, chị Th không trả tiền, bà H hỏi thì chị Th khát lần hết lần này đến lần khác. Ngày 27/12/2019 (âm lịch) chị Th trả được cho bà H 10.000.000đ tiền gốc. Quá trình vay nợ, do bà H đòi nợ nhiều lần nên vào khoảng tháng 5/2019 (âm lịch) chị Th có đem đến nhà trả cho bà H 6.000.000đ nói là trả lãi, bà H nhận và đồng ý trừ vào tiền lãi 6

tháng, từ ngày 03/4/2019 (AL) đến ngày 02/10/2019 (AL). Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả cho bà toàn bộ tiền nợ gốc là 90.000.000đ và tiền lãi theo lãi xuất ngân hàng là 1%/tháng trên số nợ gốc 90.000.000đ, tính từ thời điểm ngày 03/10/2019 (AL) cho đến khi chị Th trả hết nợ cho bà H.

Quan điểm của chị Lê Thị Th: Chị Th thống nhất vào ngày 03/4/2019 (AL) có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ, bà H ghi vào sổ và chị Th ký nhận, tuy nhiên chị Th cho rằng khi ký, chị nhớ là giấy không ghi hạn trả nợ, nhưng nay giấy ghi thời hạn trả nợ thì chị cũng chấp nhận. Tuy giấy không ghi lãi, nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi miệng là 300.000đ/ngày tương đương 9.000.000đ/tháng, chị Th đã trả được cho bà H tổng số tiền lãi là 35.600.000đ, việc trả lãi không có giấy tờ gì chứng minh nhưng chị Th có ghi lại ngày trả lãi để theo dõi. Ngày 27/12/2019 (AL), chị Th đã trả được cho bà H 10.000.000đ tiền nợ gốc. Nay chị Th chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H về việc chị Th phải trả toàn bộ tiền nợ gốc là 90.000.000đ và tiền lãi là 1%/tháng, tính từ ngày 03/10/2019 (AL) cho đến khi chị trả hết nợ cho bà H, nhưng do điều kiện quá khó khăn nên chị Th xin bà H tiền lãi và xin được trả dần tiền gốc cho bà H. Kế hoạch của chị Th là trong năm nay khi nào anh trai chồng chị lấy được tiền góp cổ phần quán Karaoke 68 với nhà xe Cương Lĩnh, chị sẽ trả cho bà H. Nếu không được thì bắt đầu từ tháng 02/2021 (AL) trở đi, chị Th sẽ trả dần nợ gốc cho bà H, có nhiều trả nhiều, có ít trả ít.

Tại phiên tòa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà H làm đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại **Điều 26** Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Lê Thị Th có địa chỉ tại xã Hoằng N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nợ gốc: Ngày 03/4/2019 (âm lịch), tức ngày 07/5/2019 (dương lịch), chị Lê Thị Th có vay của bà H 100.000.000đ để đảo sổ ngân hàng, hẹn chậm nhất 3 ngày trả, bà H viết vào sổ và chị Th ký. Mặc dù chị Th cho rằng chị nhớ khi ký, giấy không ghi hạn trả nợ, nhưng chị Th vẫn chấp nhận toàn bộ nội dung trong giấy nợ bà H nộp cho Tòa án nên hội đồng xét xử không xem xét. Đến hẹn, chị Th không trả tiền, bà H

có hỏi và chị Th khát lần. Ngày 27/12/2019 (âm lịch) chị Th trả được cho bà H 10.000.000đ tiền gốc. Như vậy chị Th còn nợ bà H 90.000.000đ tiền nợ gốc.

[2.2]. Về tiền lãi: Bà H cho rằng việc bà cho chị Huệ vay tiền là không tính lãi, quá trình vay nợ, vào khoảng tháng 5/2019 (âm lịch) chị Th có trả cho bà H 6.000.000đ tiền lãi, bà H đã trừ vào tiền lãi 6 tháng, từ ngày 03/4/2019 (AL) đến ngày 02/10/2019 (AL). Chị Th cho rằng tuy giấy tờ không ghi lãi, nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi miệng là 300.000đ/ngày tương đương 9.000.000đ/tháng, chị Th đã trả cho bà H tổng số tiền lãi là 35.600.000đ, nhưng chị Th không chứng minh được việc mình đã trả lãi cho bà H mà chỉ là việc chị Th ghi lại để theo dõi nên không có cơ sở khẳng định việc thỏa thuận lãi xuất giữa bà H và chị Th. Bà H yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả lãi theo lãi xuất ngân hàng là 1%/tháng trên số tiền nợ gốc 90.000.000đ, tính từ thời điểm ngày 03/10/2019 (AL) tức là ngày 30/10/2019 dương lịch cho đến khi chị Th trả hết nợ cho bà H, chị Th chấp nhận số tiền nợ gốc, lãi suất và thời gian tính lãi như bà H yêu cầu. Hội đồng xét xử nhận định, các bên đương sự đã thống nhất lãi xuất khoản vay và thời gian tính lãi nên chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự. Chị Th xin không trả lãi nhưng bà H không đồng ý nên cần buộc chị Th phải trả lãi cho bà H.

[3]. Về thời gian và phương án trả nợ: Chị Th chấp nhận phải trả cho bà H toàn bộ tiền gốc và lãi như bà H yêu cầu, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chị Th xin bà H lãi và xin được trả dần tiền gốc cho bà H. Kế hoạch của chị Th là trong năm nay khi nào anh trai chồng lấy được tiền góp cổ phần quán karaoke 68 với nhà xe Cương Lĩnh, chị sẽ trả cho bà H. Nếu không được thì bắt đầu từ tháng 02/2021 (AL) trở đi, chị Th sẽ trả dần nợ gốc cho bà H, có nhiều trả nhiều, có ít trả ít. Bà H không chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận định: Phương án trả nợ và thời gian trả nợ chị Th đưa ra là không hợp lý, bà H không chấp nhận là có cơ sở. Vì vậy, cần buộc chị Th phải trả cho bà H toàn bộ tiền nợ gốc là 90.000.000đ và tiền lãi theo lãi xuất ngân hàng là 1%/tháng, tính từ thời điểm ngày 03/10/2019 (AL) tức là ngày 30/10/2019 (DL). Tính đến ngày 02/7/2020, số tiền lãi chị Th phải trả cho bà H Là  $90.000.000đ \times 1\% \times 08 \text{ tháng}$  03 ngày = 7.290.000đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2020, chị Th phải trả cho bà H là 97.290.000đ. ngoài ra chị Th còn phải trả lãi cho bà H theo lãi xuất 1%/tháng trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ cho bà H.

[3] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Điều 463, 466, 468 Bộ luật** dân sự; Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lê Thị Th phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ là 97.290.000đ (Chín bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng); nợ lãi là 7.290.000đ (bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 03/7/2020, chị Lê Thị Th còn phải tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi với lãi suất là 1%/tháng trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ cho bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Bị đơn – chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **4.864.500đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng)**. **Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)** theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0009893 ngày 25/5/2020 **tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.**

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ngọc Vân**